

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/DS-ST
Ngày: 21-9-2018
V/v Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2018/TLST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2018/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2018/QĐST-DS, ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1.

Địa chỉ: số 18 Trần Hữu D1, khu đô thị Mỹ Đ, Từ L1, Hà N2.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Thúc N3 - Giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện Cao L2, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014).

Bị đơn: Lê Thị D2, sinh năm 1973.

Địa chỉ: khóm Mỹ T1, thị trấn Mỹ T2, huyện Cao L2, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông N3 có mặt; Bà D2 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Hà Thúc N3 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/01/2013, Ngân hàng N1 (sau đây gọi tắt là NHNo) cho hộ ông Lê Văn N4, bà Đặng Thị T3 và bà Lê Thị D2 vay tiền theo Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 1200301.002, nội dung cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 28.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 20/01/2013.
- Mục đích sử dụng tiền vay: mua tivi, tủ lạnh, bàn ghế.
- Lãi suất: 1,167%/tháng.

- Biện pháp bảo đảm: Ông B1 và vợ Huỳnh Thị Bé B2 đã thế chấp tài sản cho NHNo là quyền sử dụng đất thuộc thửa 117, tờ bản đồ số 14, diện tích 659m², đất tọa lạc tại thị trấn Mỹ T, huyện Cao L2, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 022153 cho hộ ông Lê Văn N4 ngày 14/6/2004, việc thế chấp không lập hợp đồng.

Ngày 26/8/2013, phía bị đơn đã trả được số tiền vốn 8.000.000 đồng và tiền lãi, còn dư nợ 20.000.000 đồng và đã quá hạn từ ngày 07/01/2014.

Năm 2013, ông Lê Văn N4 chết. Năm 2014, bà Đặng Thị T3 chết. Hàng thừa kế của ông N4 và bà T3 chỉ có bà Lê Thị D2, bà D2 đồng thời cũng là thành viên trong hộ ông N4 vay vốn. Do đó, nay NHNo yêu cầu:

- Bà D2 có trách nhiệm trả cho NHNo số nợ vốn còn lại và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 1200301.002 tính đến ngày 21/9/2018 là 32.048.889 đồng, trong đó nợ vốn là 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.231.111 đồng, nợ lãi quá hạn 3.817.778 đồng.

- Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 22/9/2018 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Tại phiên tòa, ông N3 là người đại diện hợp pháp của NHNo xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của ông Lê Văn N4, bà Đặng Thị T3 và bà Lê Thị D2 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là quyền sử dụng đất thuộc thửa 117, tờ bản đồ số 14, diện tích 659m², đất tọa lạc tại thị trấn Mỹ T2, huyện Cao L2, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 022153 cho hộ ông Lê Văn N4 ngày 14/6/2004. Phía NHNo sẽ tự thỏa thuận với bà D2 về việc xử lý tài sản thế chấp, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Hợp đồng tín dụng số 1200301.002, ngày 10/01/2013 (bản sao);
- Giấy xác nhận thành viên hộ ông N4 (bản sao);
- Giấy chứng tử của ông Lê Văn N4 (bản sao);
- Giấy chứng tử của bà Đặng Thị T3 (bản sao);
- Giấy xác nhận hàng thừa kế của ông N4, bà T3 (bản chính);

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 022153, do Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp cho hộ ông Lê Văn N4 ngày 14/6/2004 (bản sao);
- Bảng kê tính lãi ngày 21/9/2018 (bản chính);
- Giấy xác nhận cư trú ngày 16/8/2018 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của NHNo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về hợp đồng tín dụng, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao L2 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng bà D2 là bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của NHNo đối với hợp đồng tín dụng, yêu cầu bà D2 trả cho NHNo số nợ vốn và lãi tính đến ngày 21/9/2018 là 32.048.889 đồng, (trong đó nợ vốn là 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.231.111 đồng, nợ lãi quá hạn 3.817.778 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 22/9/2018 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1200301.002, ngày 10/01/2013.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: NHNo có đủ chứng cứ chứng minh ngày 10/01/2013, NHNo có cấp tín dụng cho hộ ông N4, bà T3, bà D2 là số tiền 28.000.000 đồng, hai bên có ký Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 1200301.002. Nội dung hợp đồng thể hiện rõ thỏa thuận của hai bên về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, mục đích sử dụng tiền vay, biện pháp bảo đảm trả nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 26/8/2013, phía bà T3 và bà D2 đã trả được số tiền vốn 8.000.000 đồng và tiền lãi và đến nay không trả nữa. Do đó, nay NHNo yêu cầu trả số nợ vốn và lãi tính đến ngày xét xử với số tiền 32.048.889 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 22/9/2018 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

[5] Về người có nghĩa vụ trả nợ, xét thấy: Theo Hợp đồng tín dụng thì hộ ông N4 gồm ông N4, bà T3 và bà D2 cùng vay tiền. Ngày 17/5/2013, ông N4 chết. Ngày 08/6/2014, bà T3 chết. Hàng thừa kế của ông N4 và bà T3 là bà D2. Bà D2 vừa là người vay tiền nay vừa là người thừa kế duy nhất thuộc hàng thừa kế thứ

nhất của ông N4, bà T3. Do đó, nay NHNo yêu cầu bà D2 có trách nhiệm trả nợ là phù hợp quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án, bà D2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng không phản đối những tình tiết, yêu cầu mà phía NHNo đưa ra, không tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa để trình bày ý kiến nên những chứng cứ, yêu cầu của NHNo thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của NHNo về việc xử lý tài sản đảm bảo: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của NHNo xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của ông Lê Văn N4, bà Đặng Thị T3 và bà Lê Thị D2 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là quyền sử dụng đất thuộc thửa 117, tờ bản đồ số 14, diện tích 659m², đất tọa lạc tại thị trấn Mỹ T2, huyện Cao L2, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 022153 cho hộ ông Lê Văn N4 ngày 14/6/2004. Phía NHNo sẽ tự thỏa thuận với bà D2 về việc xử lý tài sản thế chấp, không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ phần yêu cầu này.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của NHNo.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, 615 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1

2. Buộc bà Lê Thị D2 có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N1 số nợ vốn và lãi là 32.048.889 đồng (ba mươi hai triệu không trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) (trong đó nợ vốn là 20.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.231.111 đồng, nợ lãi quá hạn 3.817.778 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh từ

ngày 22/9/2018 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (Sổ vay vốn) số 1200301.002, ngày 10/01/2013.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 về việc yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của ông Lê Văn N4, bà Đặng Thị T3 và bà Lê Thị D2 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ là quyền sử dụng đất thuộc thửa 117, tờ bản đồ số 14, diện tích 659m², đất tọa lạc tại thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 022153 cho hộ ông Lê Văn N4 ngày 14/6/2004.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị D2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.602.000 đồng (Một triệu sáu trăm lẻ hai nghìn đồng).

- Ngân hàng N1 không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 778.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000321, ngày 19/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND H. Cao L2;
- CC THADS H. Cao L2;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Phương Thảo